

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH KON TUM**

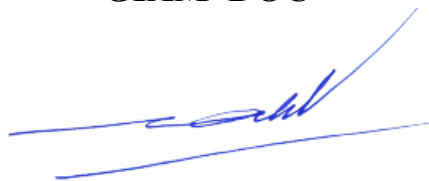
**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Nông nghiệp và Phát triển  
nông thôn tỉnh Kon Tum phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO  
9001:2015 đối với thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và giải quyết thủ  
tục hành chính**

*(theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 754 /QĐ-SNN ngày 10 tháng 9  
năm 2021 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.**

*Kon Tum, ngày 10 tháng 9 năm 2021*

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Tấn Liêm**

UBND TỈNH KON TUM  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 754/QĐ-SNN

Kon Tum, ngày 10 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng**  
**phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015**

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND, ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-UBND, ngày 10/7/2020 của UBND tỉnh Kon Tum Phê duyệt Kế hoạch "Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030";*

*Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-UBND, ngày 05/6/2021 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ xác nhận của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;*

*Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

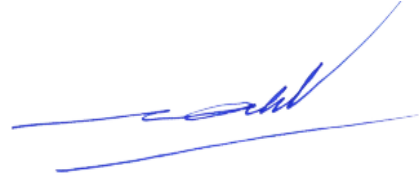
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 595/QĐ-SNN, ngày 16/9/2020 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Ban chỉ đạo ISO xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Sở KH&CN;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Ban ISO.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Tấn Liêm**

**PHỤ LỤC I**  
**CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ**  
**PTNT TỈNH KON TUM ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN**  
**TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 754 /QĐ-SNN ngày 10 tháng 9 năm 2021  
của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum)*

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính.	QT KHTC-01
2	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý.	QT KHTC-02
3	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý.	QT KHTC-03
4	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.	QT KHTC-04
5	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức.	QT KHTC-05
6	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư).	QT KHTC-06
7	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác.	QT KHTC-07
8	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh).	QT KHTC-08
9	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	QT KHTC-09
10	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	QT KHTC-10
11	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	QT KHTC-11
12	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương.	QT KHTC-12
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	QT KHTC-13
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	QT KHTC-14
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.	QT KHTC-15
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.	QT KHTC-16
17	Công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn và được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.	QT KHTC-17

